

Bản án số: 555/2017/HS-PT
Ngày 13 tháng 10 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Ba;
Ông Phan Đức Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 222/2016/TLPT-HS ngày 26 tháng 4 năm 2016 đối với bị cáo Trần Thị Thu T và bị cáo Bùi Thị H do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2016/HSST ngày 11/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Thị Thu T (Thu), sinh năm 1957; trú tại: Số 482/21/26 CMT 8, phường BHN, quận BT, thành phố Cần Thơ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Không; con ông Trần Đ (chết) và bà Trần Thị G (chết); có chồng là Phạm Thành L và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1980, con nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam ngày 06/02/2015, (có mặt).

2. Bùi Thị H, sinh năm 1960; trú tại: Số 19 ngõ 100, phường TP, quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Bùi Văn T1 (chết) và bà Trần Thị T2; có chồng là Bùi Hữu T3 và có 02 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam: 06/02/2015, (có mặt).

- Người bào chữa cho các bị cáo:

1. Ông Nguyễn Trường T4, Luật sư Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ bào chữa cho bị cáo Trần Thị Thu T, (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H1, Luật sư Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ bào chữa chỉ định cho bị cáo Bùi Thị H, (có mặt).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Đỗ Văn C nhưng Tòa không triệu tập).

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 18 giờ 55 phút ngày 06/02/2015 Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Cần Thơ đã tổ chức bắt quả tang Đỗ Văn C và Trần Thị Thu T đang giao nhận 02 khối Hêrôin và 250 triệu đồng, bên hông nhà của T, trong hẻm 496 CMTT, phường BHN, quận BT, thành phố Cần Thơ.

Theo kết quả giám định thì 02 khối Hêrôin nói trên có trọng lượng 694,26gr, trong đó hàm lượng Hêrôin là 44,2%.

C khai đã mua hai bánh Hêrôin nói trên của Bùi Hữu T3 và Bùi Thị H với giá 390.000.000 đồng, ngày 04/02/2015. Ngày 06/02/2015 C mang số Hêrôin này từ thành phố Hà Nội đến thành phố Cần Thơ để bán lại cho T với giá 500.000.000 đồng. T giao trước 250.000.000 đồng thì bị bắt quả tang. Quá trình mua bán Hêrôin bắt đầu từ tháng 4/2013, 21 lần với 22 bánh Hêrôin. C thu lợi bất chính hơn 01 tỷ đồng. T đã chuyển tiền từ Cần Thơ ra Hà Nội, vào tài khoản của Nguyễn Kim O (vợ của C) tại ngân hàng Techcombank 31 lần, số tiền là 4.723.950.000 đồng.

T3 và T3 phủ nhận quan hệ mua bán Hêrôin với C. H chỉ thừa nhận bán 03 lần với 04 bánh Hêrôin cho C với giá 195.000.000 đồng/ bánh. Số Hêrôin này H mua của một người tên Long với giá 185.000.000 đồng nhưng chưa tìm được theo mô tả và chỉ dẫn của H.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2016/HSST ngày 11/3/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Thu T, Bùi Thị H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194, các điểm b, g khoản 1 Điều 48, Điều 20 và Điều 53 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Thị Thu T tù chung thân.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194, các điểm b, g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, các Điều 20 và Điều 53 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bùi Thị H tù chung thân.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử bị cáo Đỗ Văn C tù chung thân về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tuyên phạt bổ sung mỗi bị cáo

100.000.000 đồng, tuyên về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14/3/2016, bị cáo Bùi Thị H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21/3/2016, bị cáo Trần Thị Thu T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 18/3/2016, bị cáo Đỗ Văn C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 23/9/2016, bị cáo Đỗ Văn C đã có đơn xin rút toàn bộ đơn kháng cáo.

Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Thông báo số 57/2016/TB-PT ngày 05/10/2016 thông báo về việc bị cáo Đỗ Văn C có đơn xin rút toàn bộ đơn kháng cáo theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Thị H vẫn giữ nguyên kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt vì cho rằng, Tòa sơ thẩm xử phạt bị cáo tù chung thân là quá nặng, hiện bị cáo đang có nhiều bệnh nặng như tiểu đường, đau cổ, huyết áp cao, viêm đau khớp. Bị cáo Trần Thị Thu T cho rằng bị cáo không có liên quan đến Đỗ Văn C, bị cáo kêu oan.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, sau khi xem xét toàn bộ nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có quan điểm: Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù bị cáo Trần Thị Thu T không thừa nhận quan hệ mua bán ma túy với Đỗ Văn C, nhưng qua xem xét lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, đặc biệt là việc bắt quả tang Đỗ Văn C và Trần Thị Thu T đang giao nhận 02 khối Hêrôin và 250 triệu đồng, cùng với việc nhiều lần T chuyển tiền vào tài khoản của Nguyễn Kim O (vợ của C), có đủ cơ sở xác định giữa T và C có mối quan hệ mua bán trái phép chất ma túy đúng như bản án sơ đã quy kết. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt tù chung thân đối với bị cáo T và bị cáo H về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, phù hợp với từng bị cáo và đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không đưa ra được tình tiết đặc biệt nào mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định về tội danh và hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo T và bị cáo H.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Bùi Thị H cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo H tù chung thân là quá nghiêm khắc vì: Khi Cơ quan điều tra khám xét chỗ ở của bị cáo H thì không có Hêrôin, lúc đó bị cáo H chưa bị các bị cáo khác đã bị bắt quả tang, nhưng bị cáo H đã tự khai ra hành vi phạm tội của mình. Như vậy đây là tình tiết "người phạm tội tự thú" cần áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ sót. Mặt khác, bị cáo H không thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết vì lời khai của bị cáo H và các bị cáo khác chỉ trùng khớp về một lần mua bán 02 bánh Hêrôin, còn các lần khác không có sự trùng khớp về thời gian mua bán. Như vậy chỉ có đủ căn cứ xác định bị cáo H phạm tội lần đầu mua bán 02 bánh Hêrôin. Hơn nữa, các cơ quan tiến hành tố tụng còn không có căn cứ để xác định số lượng, trọng lượng của 02 bánh Hêrôin này. Ngoài ra, bị cáo H còn có nhiều tình tiết giảm nhẹ như

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định và hiện bị cáo tuổi đã cao, đang phải điều trị nhiều bệnh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo H cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt theo quy định khoản 4 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Thị Thu T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại đối với bị cáo Th vì cho rằng: Không có căn cứ để xác định lời khai của Đỗ Văn C là chính xác về số lần, số lượng Hêrôin đã được C và T thực hiện việc mua bán. Do đó chỉ có thể truy tố, xét xử bị cáo T qua việc bắt quả tang Đỗ Văn C và Trần Thị Thu T đang giao nhận 02 bánh Hêrôin và trong trường hợp này thì bị cáo T là người mua bán Hêrôin ít nhất. Khi lập Biên bản phạm tội quả tang không mô tả cụ thể 02 bánh Hêrôin, không có bản ảnh và không thực nghiệm điều tra. Biên bản phạm tội quả tang xác định 02 bánh Hêrôin có bọc màu xanh, trong khi đó các bị cáo khai bọc màu vàng nhưng không đối chất làm rõ. Như vậy cho thấy, việc buộc bị cáo Trần Thị Thu T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự của cấp sơ thẩm là chưa có căn cứ vững chắc, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại đối với bị cáo T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm tranh luận đối đáp: Trong vụ án này, việc bắt quả tang Đỗ Văn C và Trần Thị Thu T đang giao nhận 02 khối Hêrôin và 250 triệu đồng được Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Cần Thơ thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm tuân thủ đúng theo luật định. Do vậy, việc Luật sư bào chữa cho bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại đối với bị cáo T là không có căn cứ. Sau khi bị bắt quả tang, Đỗ Văn C khai nhận đã mua toàn bộ số Hêrôin của Bùi Thị H và Bùi Hữu T3. T3 phủ nhận, còn bị cáo H đã khai nhận mua bán cho Ci 03 lần với 04 bánh Hêrôin. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần là có căn cứ. Chính vì vậy, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm giữ nguyên quan điểm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và ý kiến đề nghị của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo, giữ nguyên quyết định về tội danh và hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo T và bị cáo H.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các Luật sư và các bị cáo.

XÉT THẤY:

[1] Ngày 18/3/2016, bị cáo Đỗ Văn C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng đến ngày 11/3/2016, bị cáo C có đơn xin rút toàn bộ đơn kháng cáo nêu trên. Do đó, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Thông báo số 57/2016/TB-PT ngày 05/10/2016 thông báo về việc bị cáo Đỗ Văn C có đơn xin rút toàn bộ đơn kháng cáo, theo quy định pháp luật.

[2] Đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Thị H và bị cáo Trần Thị Thu T nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ; yêu cầu kháng cáo của bị cáo H và bị cáo T được xem xét theo trình tự phúc thẩm như sau:

[3] Xét việc tổ chức bắt quả tang Đỗ Văn C và Trần Thị Thu T đang giao nhận 02 khối Hêrôin và 250 triệu đồng của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Cần Thơ, vào ngày 06/02/2015, tại địa điểm bên hông nhà của T, trong hẻm 496 CMTT, phường BHN, quận BT, thành phố Cần Thơ, đã được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 45-48), Biên bản niêm phong tang vật (BL 53), Biên bản mở niêm phong và giao, nhận đối tượng giám định (BL54, 55) đều có chữ ký của người bị bắt là Đỗ Văn C và Trần Thị Thu T. Theo kết quả giám định thì 02 khối Hêrôin nói trên có trọng lượng 694,26gr, trong đó hàm lượng Hêrôin là 44,2%.

Sau đó, Cơ quan điều tra đã thu giữ và kiểm tra điện thoại di động của C và của T cho thấy, ngay trước khi bị bắt quả tang, C và T đã có điện thoại cho nhau (BL 47, 48, 259, 260). Đồng thời, qua kết quả kiểm tra tài khoản của Nguyễn Kim O (vợ của C) tại ngân hàng Techcombank (BL 245-250) còn cho thấy T và gia đình nhiều lần chuyển vào tài khoản này với tổng số tiền 4.723.950.000 đồng, trong khi đó giữa T với C và O không có quan hệ, giao dịch nào khác về tài sản.

Qua đó xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận lời khai nhận tội của Đỗ Văn C về việc đã bán cho Trần Thị Thu T tổng cộng 21 lần với 22 bánh Hêrôin (tính cả lần bị bắt quả tang) là có đủ căn cứ.

[4] Đối với bị cáo Bùi Thị H: Đỗ Văn C khai toàn bộ số Hêrôin mua từ vợ chồng Bùi Thị H và Bùi Hữu T3, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ quy kết bị cáo Huệ bán cho C 03 lần, bán 04 bánh Hêrôin với giá 195.000.000 đồng/bánh theo sự thừa nhận của bị cáo H là phù hợp, có căn cứ.

[5] Từ những phân tích và nhận định trên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo Trần Thị Thu T, Bùi Thị H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[6] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý Nhà nước đối với chất gây nghiện, các loại biệt dược là khách thể bảo vệ của Luật hình sự, gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội. Nên mặc dù các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và các bị cáo, Luật sư bào chữa cho các bị cáo đưa ra tại phiên tòa phúc thẩm, nhưng cũng không đủ căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với ý kiến quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Thị H và kháng cáo kêu oan của bị cáo Trần Thị Thu T, giữ nguyên về tội danh và hình phạt của bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo H và T.

Những ý kiến quan điểm của các Luật sư bào chữa cho bị cáo T và bị cáo H tại phiên tòa phúc thẩm không phù hợp với phân tích nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo H và bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm số: 08/2016/HSST ngày 11/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị H và bị cáo Trần Thị Thu T; giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 08/2016/HSST ngày 11/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị H và bị cáo Trần Thị Thu T (Thu) phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

1. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194, các điểm b và g khoản 1 Điều 48, Điều 20 và Điều 53 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu T (Thu) tù chung thân.

Bị cáo T bị bắt tạm giam ngày 06/02/2015.

2. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194, các điểm b và g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, các Điều 20 và Điều 53 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Bùi Thị H tù chung thân.

Bị cáo H bị bắt tạm giam ngày 06/02/2015.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Bùi Thị H và bị cáo Trần Thị Thu T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đ (hai trăm ngàn đồng).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số: 08/2016/HSST ngày 11/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 13 tháng 10 năm 2017.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- Công an thành phố Cần Thơ;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- Trại Tạm giam Công an thành phố Cần Thơ “để tổng đạt cho BC” (3);
- Lưu: VP (3), HS (2), 15b. (ÁN 09)

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Đình Thanh